

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/DS-ST
Ngày: 24-8-2020
“V/v Tranh chấp nợ hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghề

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Thị Xà Ly – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 197/2019/TLST-DS, ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp nợ hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Kim H, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Út B - sinh năm 1987 (có mặt);

Anh Phạm Văn V – sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Kim H trình bày:

Thời gian vào năm 2017, chị có làm chủ hụi, chị Nguyễn Thị Út B có tham gia chơi nhiều dây hụi do chị áp, gồm các dây hụi sau:

- Dây hụi 2.000.000đ: Áp ngày 29/8/2017 al, có 24 chân, một tháng xỏ một lần vào ngày 29 hàng tháng, hình thức ai kêu ca người đó hốt, chủ hụi sẽ được hưởng hoa hồng một nửa số tiền áp. Dây hụi này chị B chơi 02 chân và đã hốt hết, dây hụi này đã mãn, chị B đã đóng được 23 lần, còn nợ lại một lần chưa đóng với số tiền 4.000.000đ.

- Dây hụi 1.000.000đ: Áp ngày 20/02/2017 al, có 30 chân, 10 ngày xỏ một lần vào ngày 10, 20, 30 hàng tháng, hình thức ai kêu ca người đó hốt, chủ hụi sẽ được hưởng hoa hồng một nửa số tiền áp. Dây hụi này chị B chơi 02 chân và

đã hết, dây hui này đã mãn, chị B đã đóng được 15 lần, còn nợ lại 15 lần chưa đóng với số tiền 15.000.000đ.

- Dây hui 5.000.000đ: Áp ngày 15/7/2018 al, có 25 chân, một tháng xỏ một lần vào ngày 15 hàng tháng, hình thức ai kêu cao người đó hết, chủ hui sẽ được hưởng hoa hồng một nửa số tiền áp. Dây hui này chị B chơi 01 chân và đã hết, dây hui này đến tháng 7/2020 al mới mãn nhưng hui xỏ đến lần thứ 13 thì ngưng do nhiều hui viên không đóng lại hui chết nên ngưng hui vào tháng 9/2019. Dây hui này chị B đã đóng được 12 lần, còn nợ lại 12 lần chưa đóng với số tiền 60.000.000đ.

- Dây hui 3.000.000đ: Áp ngày 06/9/2018 al, có 25 chân, một tháng xỏ một lần vào ngày 06 hàng tháng, hình thức ai kêu cao người đó hết, chủ hui sẽ được hưởng hoa hồng một nửa số tiền áp. Dây hui này chị B chơi 03 chân và đã hết 02 chân, còn lại 01 chân sống, dây hui này đến tháng 7/2020 al mới mãn nhưng hui xỏ đến lần thứ 12 thì ngưng do nhiều hui viên không đóng lại hui chết nên ngưng hui vào tháng 9/2019. Dây hui này chị B đã đóng được 11 lần, còn nợ lại 11 lần chưa đóng với số tiền 66.000.000đ (02 x 3.000.000đ x 11 lần). Do chị B còn 01 chân hui sống đã đóng được 11 lần với số tiền 33.000.000đ nên bà khấu trừ hui sống và hui chết thì số tiền chị B còn nợ lại của dây hui này là 33.000.000đ.

- Dây hui 500.000đ: Áp ngày 21/01/2019 al, có 31 chân, một tuần xỏ một lần vào ngày thứ 3 hàng tuần, hình thức ai kêu cao người đó hết, chủ hui sẽ được hưởng hoa hồng một nửa số tiền áp. Dây hui này chị B chơi 02 chân và đã hết, dây hui này đã mãn, chị B đã đóng được 26 lần, còn nợ lại 05 lần chưa đóng với số tiền 5.000.000đ.

Tổng cộng 03 dây hui trên, chị B còn nợ lại chị số tiền 130.000.000đ. Tuy nhiên, do chị B không đồng ý trả theo hui chết mà xin được trả bằng giá hui vốn với số tiền là 87.730.000đ và chị cũng không có chứng cứ chứng minh chị B còn nợ chị 130.000.000đ vì lúc đóng hui, chung hui chị không có làm biên nhận, sổ sách chị tự theo dõi không có chữ ký xác nhận của chị B nên chị đồng ý cho chị B trả bằng giá hui vốn là 87.730.000đ nhưng yêu cầu trả đủ một lần.

Tại phiên tòa, chị Ngô Kim H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu vợ chồng chị B phải trả số tiền 42.270.000đ. Đồng thời, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Út B cùng chồng là anh Phạm Văn V phải trả cho chị đủ một lần số tiền hui là 87.730.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn, tại bản tự khai ngày 24/01/2020, Biên bản hòa giải ngày 11/5/2020, Biên bản ghi lời khai ngày 14/5/2020 và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Út B trình bày:

Chị B thừa nhận: Chị có tham gia chơi hui do chị H làm chủ. Chị cũng thống nhất lời trình bày của chị H về: ngày tháng áp hui, ngày tháng xỏ hui cũng như ngày ngừng xỏ hui, số tiền cụ thể của từng dây, số hui viên của từng dây hui, số chân hui chị tham gia chơi, số chân hui đã hết và số chân hui chị còn nợ chưa đóng trong từng dây hui. Tuy nhiên, số tiền 130.000.000đ mà chị H yêu cầu chị phải trả là hui chết (tiền hui đã có tính lãi) nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình chị quá khó khăn nên chị xin được trả bằng giá hui vốn vì các dây hui trên

chị H đã ngưng xỏ và chị H cũng trả cho các hội viên chưa hốt bằng giá vốn, cụ thể như sau:

- Dây hội tháng 2.000.000đ, áp ngày 29/8/2017 đồng ý trả 2.400.000đ;
- Dây hội 10 ngày 1.000.000đ, áp ngày 20/02/2017 đồng ý trả 17.380.000đ;
- Dây hội tháng 5.000.000đ, áp ngày 15/7/2017 đồng ý trả 41.800.000đ;
- Dây hội tháng 3.000.000đ, áp ngày 06/9/2018 đồng ý trả 21.900.000đ;
- Dây hội tuần 500.000đ, áp ngày 21/01/2019 đồng ý trả 4.290.000đ.

Tổng cộng số tiền nợ hội chị xin được trả bằng giá hội vốn là 87.730.000đ.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Út B đồng ý trả cho chị Ngô Kim H số tiền hội là 87.730.000đ và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ. Chị B xác định mục đích chị tham gia chơi hội là để góp vốn cất nhà, chỉ xài trong gia đình và lo cho con ăn học.

Tại bản tự khai ngày 10/4/2020, anh Phạm Văn V là chồng chị Nguyễn Thị Út B trình bày: Anh không biết việc chị B có tham gia chơi hội do chị H làm chủ cho đến khi chị H bề hội và đến thông báo với anh là vợ anh còn một số chân hội chưa đóng. Vì vậy, anh không đồng ý cùng chị B trả số tiền nợ hội cho chị H.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp nợ hội” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Hai bên đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án nên cần rút kinh nghiệm.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 471, 688 Bộ luật dân sự 2015, Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hội, biểu, phùng.; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 42.270.000đ. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Kim H buộc chị Nguyễn Thị Út B và anh Phạm Văn V phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền nợ hội là 87.730.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên chị Ngô Kim H khởi kiện chị Nguyễn Thị Út B và anh Phạm Văn V về việc “Tranh chấp nợ hội” được Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Anh Phạm Văn V với tư cách là bị đơn có đơn đề nghị vắng mặt. Xét việc vắng mặt này không gây trở ngại khi xét xử vụ án, căn cứ Điều 228 BLTTDS vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung: Thời gian vào năm 2017 đến năm 2019, giữa chị Ngô Kim

H và chị Nguyễn Thị Út B có thỏa thuận góp hụi với nhau, chị H làm chủ hụi, chị B là thành viên trong các dây hụi: Dây hụi tháng 2.000.000đ, áp ngày 29/8/2017, dây hụi 10 ngày 1.000.000đ, áp ngày 20/02/2017, dây hụi tháng 5.000.000đ, áp ngày 15/7/2017, dây hụi tháng 3.000.000đ, áp ngày 06/9/2018 và dây hụi tuần 500.000đ, áp ngày 21/01/2019. Trong số các dây hụi trên có 03 dây hụi đã mãn còn lại dây hụi 5.000.000đ và dây hụi 3.000.000đ chưa mãn nhưng chị H ngưng xô hụi. Quá trình chơi hụi, chị B đã hốt hết chỉ còn lại một chân hụi sống của dây hụi 3.000.000đ, tuy nhiên, từ khi hốt hụi đến nay chị B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp hụi của các dây hụi đã hốt nên chị H khởi kiện đòi lại số tiền nợ hụi là 130.000.000đ (số tiền này chị H tính trên cơ sở đã khấu trừ tiền hụi chị B đã đóng trong đó có một chân hụi sống). Xét về nội dung và hình thức hợp đồng góp hụi như trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực thi hành.

[3] Tại phiên Tòa, chị H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu vợ chồng chị B phải trả số tiền 42.270.000đ. Xét việc tự nguyện rút 01 phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là phù hợp nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu của chị H buộc vợ chồng chị B và anh V phải trả số tiền nợ hụi còn nợ lại là 87.730.000đ. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị B đều thừa nhận còn nợ chị H số tiền trên nhưng hẹn trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ. Còn anh V thì cho rằng anh không biết việc vợ anh chơi hụi của chị H nên anh không đồng ý cùng chị B thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị H. HĐXX thấy rằng, chị B đã hốt hụi nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp hụi theo đúng cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 16 Nghị định 19/2009/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường và yêu cầu xin trả nợ dần của chị cũng không được chị H đồng ý cho nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Tuy nhiên, việc anh V cho rằng anh không biết việc vợ anh chơi hụi của chị H nên không đồng ý cùng chị B thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị H là không có căn cứ bởi lẽ: Số tiền hụi chị B đã hốt của chị H là để chi xài trong gia đình, nuôi con chung của anh chị ăn học, đối chiếu quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì anh V phải có nghĩa vụ liên đới cùng với chị B trả cho chị H số tiền nợ hụi 87.730.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 24 Nghị định 19/2009/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Út B và anh Phạm Văn V phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 4.386.500đ (87.730.000đ x 5%) do anh chị có lỗi trong vụ kiện này.

Chị Ngô Kim H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 288 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 471 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 16 và Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-

CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, họ, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Kim H về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 42.270.000đ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Kim H.

Buộc chị Nguyễn Thị Út B, anh Phạm Văn V có nghĩa vụ trả cho chị Ngô Kim H số tiền 87.730.000đ (tám mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị B, anh V không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Út B, anh Phạm Văn V phải chịu án phí có giá ngạch là 4.386.500đ (bốn triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm đồng).

Chị Ngô Kim H không phải nộp án phí và được nhận lại số tiền 3.490.000đ (ba triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005845, ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/8/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thành Nghệ